

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST

Ngày 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trương Thị Túc

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Mai Tường Vi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị L, sinh năm 19xx.

Nơi thường trú: tổ x, khu x (tổ xx cũ), phường T4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: xóm T5, xã L, huyện Q1, tỉnh N1. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Lê Khắc T1, sinh năm 19xx.

Nơi thường trú: tổ x, khu x (tổ xx cũ), phường T4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành án tại đội xx, phân trại x, trại giam N1, huyện N2, thành phố H1. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Hoàng Thị L trình bày: chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T4 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị L và anh T1 chung sống cùng gia đình nhà chồng tại tổ 46 (nay là tổ 6, khu 5), phường T4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng bình thường đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 chơi bời, nghiện ma túy, không tu chí làm việc và không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị L đã khuyên can anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi mà sử dụng ma túy nhiều hơn. Năm 2005, anh T1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt tù chung

thân về tội “Giết người”, hiện chấp hành án tại Trại giam N1. Thời gian đầu chị L vẫn đi thăm, chu cấp, động viên cho anh T1 đầy đủ. Bản thân chị L làm công việc tự do, thu nhập thấp một mình chăm lo cho gia đình và hai con nhưng anh T1 không hiểu, không thông cảm mà còn đòi hỏi chị L chu cấp quá khả năng của chị L, khi chị L không thể đáp ứng thì anh T1 đã có hành động hành hạ chị L về tinh thần. Chị L không thể chịu đựng được và không có khả năng về kinh tế nên chị không thăm gặp anh T1 nữa. Từ năm 2013, chị L đưa hai con về nhà ngoại ở Ninh Bình sinh sống, không quan tâm, không dành tình cảm cho anh T1. Chị L xác định hôn nhân giữa với anh T1 không có hạnh phúc, tương lai, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng không thể khắc phục được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T1 để được ổn định tinh thần làm việc nuôi con.

Chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 có 02 con chung là Lê Khắc T2, sinh năm 2003 (đã thành niên, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) và Lê Khắc T3, sinh ngày 24/12/2005. Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Khắc T3 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con. Hiện chị L đã tạo lập được công việc ổn định, thu nhập trung bình 15 triệu đồng/tháng nên đảm bảo nuôi dạy con chung tốt.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Khắc T1 có bản tự khai và đơn đề nghị từ chối hòa giải và xét xử vắng mặt có xác nhận của Trại giam N1 thể hiện quan điểm cụ thể như sau:

Anh Lê Khắc Tùng và chị Hoàng Thị L đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường T4. Sau khi kết hôn, anh T1 và chị L chung sống tại tổ 46 (nay là tổ 6, khu 5), phường T4, thành phố Cẩm Phả. Từ năm 2005 anh T1 phải chấp hành án tù chung thân về tội “Giết người” tại Trại giam N1. Nay chị L xin ly hôn anh T1 đồng ý vì anh và chị L không có điều kiện và khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Anh Lê Khắc T1 và chị Hoàng Thị L có hai con chung là Lê Khắc T2, sinh năm 20xx (đã thành niên, khỏe mạnh) và Lê Khắc T3, sinh ngày xx/xx/20xx. Hiện con chung đang ở cùng chị L nên khi ly hôn, chị L là người nuôi dưỡng con, anh T1 không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và vay nợ chung: không có.

Biên bản xác minh ngày 15/7/2022 nơi chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 chung sống, tổ x, khu x, phường T4 được biết anh T1 mãi chơi nên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2005 anh T1 phải chấp hành án tù chung thân về tội “Giết người” Hiện chị L và các con chung không còn ở tại khu phố nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị L yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Khắc T1 hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường T4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 mãi chơi, sử dụng ma túy, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ năm 2005, anh T1 phải chấp hành án phạt tù chung thân về tội “Giết người”. Chị L đã cố gắng chăm lo cho gia đình, động viên, thăm nuôi anh T1 nhưng anh T1 không nhìn nhận được mà có những cư xử khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Từ năm 2013 cho đến nay, chị L không quan tâm và không dành tình cảm cho anh T1 nữa. Lời khai của chị L, anh T1 về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T1 tại nơi cư trú. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T1.

[3] Về con chung: chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 có hai con chung là Lê Khắc T2, sinh năm 20xx (đã thành niên, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) và Lê Khắc T3, sinh ngày xx/xx/20xx. Chị L có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Khắc T3 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con vì hiện nay anh T1 đang phải chấp hành án không có điều kiện để nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con. Hiện chị L làm công việc tự do, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng, đảm bảo để nuôi dưỡng con tốt. Anh T1 cũng có quan điểm giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh T1 không phải cấp dưỡng cho con. Bản thân con chung có nguyện vọng được ở với chị L. Do đó giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, anh T1 không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản và nợ chung: không có.

[5] Về án phí: chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Hoàng Thị L và anh Lê Khắc T1 có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị L.

Về hôn nhân: chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Lê Khắc T1.

Về con chung: giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Khắc T3, sinh ngày xx/xx/20xx cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Khắc T1 không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxxx ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn Lê Khắc T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND phường T4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trương Thị Túc**



